

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT
TRIỂN SÓC SƠN**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017
kèm theo
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3 xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	[2] - [4]
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	[5] - [6]
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	[7] - [8]
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	[9]
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	[10]
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	[11] - [36]

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3 xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0104890396 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 08 năm 2010 và được đăng ký thay đổi lần thứ 12 vào ngày 01 tháng 03 năm 2017.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Các Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Quang Nguyên	Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Thành viên
- Ông Lê Tiến Dũng	Thành viên
- Ông Nguyễn Ngọc Tú	Thành Viên

Các Thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Lê Tiến Dũng	Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Ngọc Tú	Phó Tổng giám đốc

Các Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên :</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Lê Hồng Sơn	Trưởng ban kiểm soát
- Bà Tạ Thị Ánh	Thành viên
- Bà Phạm Thị Thanh Thủy	Thành viên

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5. Các khoản bất thường và các sự kiện quan trọng phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Số: 42/2018/BCKT/PKF-VPHN

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017
của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn được lập ngày 30 tháng 03 năm 2018, bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 07 đến trang 36 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.


Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam




Trần Thị Nguyệt
Phó Tổng giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0589-2018-242-1


Trần Thị Yến Ngọc
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0926-2015-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, Quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 01 – DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		440.260.273.308	537.804.015.138
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	8.278.809.339	17.241.735.805
1. Tiền	111		8.278.809.339	17.241.735.805
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.5	24.400.000.000	127.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		24.400.000.000	127.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		311.829.020.136	315.961.382.542
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	233.327.385.272	137.576.472.456
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	78.463.105.369	105.324.128.799
3. Các khoản phải thu khác	136	5.4	677.433.333	73.775.977.500
4. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137		(638.903.838)	(715.196.213)
IV. Hàng tồn kho	140	5.9	95.364.672.056	75.925.697.212
1. Hàng tồn kho	141		95.364.672.056	75.925.697.212
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		387.771.777	1.176.199.579
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	274.822.938	341.318.898
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		112.948.839	833.880.681
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		163.499.582.784	37.645.099.806
I. Tài sản cố định	220		131.777.153.204	7.945.866.361
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	7.977.153.204	7.925.866.361
- Nguyên giá	222		13.612.799.997	11.412.799.997
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.635.646.793)	(3.486.933.636)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	123.800.000.000	20.000.000
- Nguyên giá	228		123.840.000.000	40.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(40.000.000)	(20.000.000)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.5	31.637.800.645	29.671.678.974
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(362.199.355)	(328.321.026)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	255		2.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		84.628.935	27.554.471
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	84.628.935	27.554.471
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		603.769.856.092	575.449.114.944

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phú Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Mẫu số B 01 – DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		271.510.787.656	248.214.686.794
I. Nợ ngắn hạn	310		271.510.787.656	248.214.686.794
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	19.420.138.374	14.885.911.124
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	2.843.527.000	636.032.273
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	5.837.264.968	10.005.926.075
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	50.000.000	50.000.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	632.846.186	607.367.322
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	242.727.011.128	222.029.450.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		332.249.068.436	327.234.428.150
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	332.249.068.436	327.234.428.150
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		304.759.480.000	304.759.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		304.759.480.000	304.759.480.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	421		27.489.588.436	22.474.948.150
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		22.474.948.150	7.966.814.116
- LNST chưa phân phối năm này	421b		5.014.640.286	14.508.134.034
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		603.759.856.092	575.449.114.944

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Lê Hoa

Trần Lê Hoa

Lê Tiến Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phú Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số B 02 – DN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.073.426.141.172	1.107.990.200.153
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	3.715.558.383
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.073.426.141.172	1.104.274.641.770
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	1.045.452.054.846	1.069.826.715.225
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.974.086.326	34.447.926.545
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	6.110.406.102	4.807.746.431
7. Chi phí tài chính	22	6.5	18.991.639.331	11.075.578.442
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		18.957.761.002	10.747.257.416
8. Chi phí bán hàng	25	6.8	3.282.984.187	3.445.776.391
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	3.770.981.830	4.799.834.848
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.038.887.080	19.934.483.295
11. Thu nhập khác	31	6.6	43.034.066	29.295.077
12. Chi phí khác	32	6.7	1.446.116.024	1.097.115.705
13. Lợi nhuận khác	40		(1.403.081.958)	(1.067.820.628)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.635.805.122	18.866.662.667
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	1.621.164.836	4.358.528.633
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.11	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		5.014.640.286	14.508.134.034
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		165	657

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người lập

Trần Lê Hoa

Kế toán trưởng

Trần Lê Hoa

Tổng Giám đốc



Lê Tiến Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phú Lễ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.080.750.491.754	1.159.974.773.558
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.135.174.183.856)	(1.281.402.106.259)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.611.658.735)	(2.143.918.539)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(18.957.761.002)	(10.747.257.416)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(4.915.360.524)	(1.776.968.834)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		31.669.675.000	27.775.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(29.428.988.000)	(72.024.672.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(78.667.785.363)	(208.092.374.690)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(61.000.000.000)	(7.785.709.089)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(55.500.000.000)	(138.200.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		156.600.000.000	29.700.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.907.297.769	1.378.303.575
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		49.007.297.769	(114.907.405.514)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	127.746.370.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		933.907.052.765	644.259.450.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(913.209.491.637)	(441.310.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		20.697.561.128	330.695.820.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(8.962.926.466)	7.696.039.796
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		17.241.735.805	9.545.696.009
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61			
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VII.34	8.278.809.339	17.241.735.805

Người lập

Trần Lê Hoa

Kế toán trưởng

Trần Lê Hoa

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018



Lê Tiến Dũng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0104890396 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 08 năm 2010 và được đăng ký thay đổi lần thứ 12 vào ngày 01 tháng 03 năm 2017.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là: kinh doanh thương mại sắt thép.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ kinh doanh được phẩm); Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn sắt thép;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Tái chế phế liệu; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Thu gom rác thải độc hại;
- Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Thu gom rác thải không độc hại; Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Đại lý môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;

(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có văn phòng chính đặt tại số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phú Lễ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Công ty có chi nhánh, đơn vị trực thuộc như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B09 - DN

Tên chi nhánh, đơn vị trực thuộc:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn – Chi nhánh tại Hồ Chí Minh

Địa chỉ:

Số 371 Trần Xuân Soạn, phường Tân Kiểng, quận 7, tp. Hồ Chí Minh

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017 của Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp và theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.5.1. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 năm
Phương tiện vận tải	05 - 06 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.5.2. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

Phần mềm kế toán

03 - 08 năm

4.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lợi nhuận kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

4.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.8. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B09 - DN

4.9. Chi phí lãi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay]

4.10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm: chi phí kiểm toán. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11. Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4.12. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.13. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, chi phí cho hoạt động liên doanh phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

4.14. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm của Công ty sẽ là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.16. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.18. Bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số 8.7.

4.19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định phân biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau: kinh doanh thương mại sắt thép.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phú Lễ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	3.080.598.134	4.110.579.717
Tiền gửi ngân hàng	5.198.211.205	13.131.156.088
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Hà Nội	4.195.463	4.198.582
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- CN Hoàn Kiếm	44.209.279	19.764.253
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Thăng Long	1.556.900	5.002.641.200
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Anh	7.449.338	1.889.410
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Chương Dương	3.116.569.189	7.560.212.301
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đồng Anh	19.870.097	13.841.616
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sóc Sơn	440.910	7.829.712
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Đồng Anh	-	500.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thăng Long	-	21.353
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - CN Nội Bài	41.000	690.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm	2.002.874.673	518.563.305
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Bình Tây	1.004.356	1.004.356
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	8.278.809.339	17.241.735.805

5.2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Cuối năm	Đầu năm
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	233.327.385.272	137.576.472.456
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thảo Huyền	116.433.753.562	30.985.666.769
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thép Hà Nội	23.973.206.822	4.330.386.212
- Công ty TNHH Phát triển Thương mại Nguyễn Anh	79.913.549.145	64.274.972.203
- Các khoản phải thu khách hàng khác	13.006.875.943	37.985.447.272
b) Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	116.433.753.562	30.985.666.769
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thảo Huyền	116.433.753.562	30.985.666.769

5.3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Cuối năm	Đầu năm
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	78.463.105.369	105.324.128.799
- Công ty CP Vật tư Xây dựng và Sản xuất Công nghiệp Thái Nguyên	78.323.230.915	-
- Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	139.874.454	105.324.128.799
b) Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-

5.4 . PHẢI THU KHÁC

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	677.433.333	-	73.776.977.500	-
- Tạm ứng	-	-	5.100.000.000	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	45.000.000	-	65.045.000.000	-
- Phải thu khác	632.433.333	-	3.630.977.500	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
c) Phải thu khác là các bên liên quan	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phú Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 09 - DN

5.5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

a) Chứng khoán kinh doanh

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

b1) Ngắn hạn

- Tiền gửi có kỳ hạn (i)

b2) Dài hạn

- Tiền gửi có kỳ hạn (ii)

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi số	Giá gốc	Giá trị ghi số
	24.400.000.000	24.400.000.000	127.500.000.000	127.500.000.000
	24.400.000.000	24.400.000.000	127.500.000.000	127.500.000.000
	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-

(i) Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Hoàn Kiếm:

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 1772017/HK-ĐTPTSS ngày 17 tháng 7 năm 2017, số tiền 5 tỷ đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 5,3%/năm.
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 182017/HK-ĐTPTSS ngày 01 tháng 08 năm 2017, số tiền 9,8 tỷ đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 5,3%/năm.
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 1482017/HK-ĐTPTSS ngày 14 tháng 08 năm 2017, số tiền 1 tỷ đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 5,3%/năm.
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 2182017/HK-ĐTPTSS ngày 21 tháng 08 năm 2017, số tiền 5,6 tỷ đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 5,3%/năm.
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 2982017/HK-ĐTPTSS ngày 29 tháng 08 năm 2017, số tiền 1 tỷ đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 5,3%/năm.
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 592017/HK-ĐTPTSS ngày 05 tháng 09 năm 2017, số tiền 2 tỷ đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 5,3%/năm.

(ii) Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Chương Dương:

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 0501/2017/3629234/HDTG ngày 05 tháng 01 năm 2017, số tiền 2 tỷ đồng, kỳ hạn 13 tháng, lãi suất 6,8%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SỐC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phú Lộc, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

	Cuối năm		Đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30.000.000.000	(362.199.355)	30.000.000.000	30.000.000.000	(328.321.026)
- Đầu tư vào Công ty con					-
- Đầu tư vào công ty liên kết	30.000.000.000	(362.199.355)	30.000.000.000	30.000.000.000	(328.321.026)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Tháo Huyện - tỷ lệ sở hữu 37,5%	30.000.000.000	(362.199.355)	30.000.000.000	30.000.000.000	(328.321.026)
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác					

- Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty liên kết trong năm:

+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Tháo Huyện có hoạt động sản xuất kinh doanh chính là kinh doanh thương mại sắt thép.

- Các giao dịch trọng yếu của Công ty liên kết trong năm:

+ Các giao dịch chủ yếu của Công ty liên kết với Công ty mẹ là mua bán các loại sắt thép.

(*): Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài Chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cho mục đích thuyết minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phú Lễ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 09 - DN

5.6 . NỢ XẤU

Đơn vị: VND

	Cuối năm		Đầu năm		Dự phòng
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	
Các khoản phải thu ngắn hạn					
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Vĩnh Lộc	-	-	-	1.430.392.425	(715.196.212)
- Công ty Cổ phần Xây dựng Việt Trung	154.199.496	77.099.748	(77.099.748)	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Hà Thành	34.268.689	17.134.344	(17.134.345)	-	-
- Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại An Đại Phú	163.511.014	81.755.507	(81.755.507)	-	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Dung	326.281.904	163.140.952	(163.140.952)	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Vận tải Nam Tuấn	410.289.172	205.144.586	(205.144.586)	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng Giang Sơn	315.429.000*	220.800.300	(94.628.700)	-	-
Cộng	1.403.979.276	765.075.437	(638.903.838)	1.430.392.425	(715.196.212)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phú Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**5.7 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm			10.408.118.179	937.181.818	67.500.000	11.412.799.997
Tăng trong năm	2.200.000.000					2.200.000.000
- Mua trong năm	2.200.000.000					2.200.000.000
Giảm trong năm						
Số dư cuối năm	2.200.000.000		10.408.118.179	937.181.818	67.500.000	13.612.799.997
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm			3.034.280.229	452.653.407		3.486.933.636
Tăng trong năm	275.000.000		1.407.538.920	432.424.237	33.750.000	2.148.713.157
- Số khấu hao trong năm	275.000.000		1.407.538.920	432.424.237	33.750.000	2.148.713.157
Giảm trong năm						
Số dư cuối năm	275.000.000		4.441.819.149	885.077.644	33.750.000	5.635.646.793
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm			7.373.837.950	484.528.411	67.500.000	7.925.866.361
2. Tại ngày cuối năm	1.925.000.000		5.966.299.030	52.104.174	33.750.000	7.977.153.204

• Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 7.631.811.324 VND

• Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.431.636.363 VND

• Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phú Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 09 - DN

5.3 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền bảng sáng chế, kế toán, thiết kế	Phần mềm	TSCĐ khác	Đơn vị tính: VND
						Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm				40.000.000		40.000.000
Tăng trong năm	123.800.000.000					123.800.000.000
- Mua trong năm	123.800.000.000					123.800.000.000
Giảm trong năm						
Số dư cuối năm	123.800.000.000			40.000.000		123.840.000.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm						
Tăng trong năm				20.000.000		20.000.000
- Số khấu hao trong năm				20.000.000		20.000.000
Giảm trong năm						
Số dư cuối năm						
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm						
2. Tại ngày cuối năm	123.800.000.000			20.000.000		123.800.000.000

• Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 123.800.000.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phú Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

5.9 . HÀNG TỒN KHO	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	95.364.672.056	-	75.925.697.212	-
Cộng	<u>95.364.672.056</u>	<u>-</u>	<u>75.925.697.212</u>	<u>-</u>

5.10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC	Cuối năm	Đầu năm
	a) Ngắn hạn	274.822.938
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	15.854.620	341.318.898
- Các khoản khác	258.968.318	
b) Dài hạn	84.628.935	27.554.471
- Chi phí Công cụ dụng cụ xuất dùng	43.370.227	27.554.471
- Các khoản khác (Nếu chi tiết nếu có giá trị lớn)	41.258.708	
Cộng	<u>359.451.873</u>	<u>368.873.369</u>

5.11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	19.420.138.374	19.420.138.374	14.885.911.124	14.885.911.124
- Công ty CP Thương mại và XD Quỳnh Minh	2.974.480.978	2.974.480.978	-	-
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp	10.614.211.341	10.614.211.341	4.010.503.853	4.010.503.853
- Công ty TNHH Natsteelvina	4.126.014.663	4.126.014.663	4.526.014.663	4.526.014.663
- Phải trả cho các đối tượng khác	1.705.431.392	1.705.431.392	6.349.392.608	6.349.392.608
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
d) Phải trả người bán là các bên liên quan				

5.12 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.843.527.000	2.843.527.000	703.262.880	703.262.880
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Môi trường Thành Tín	287.497.264	287.497.264	142.497.264	142.497.264
- Công ty CP Xây dựng Thăng Long	1.576.029.736	1.576.029.736	-	-
- Công ty TNHH Tổng hợp và Thương mại Thanh Hà	900.000.000	900.000.000	-	-
- Đối tượng khác	80.000.000	80.000.000	560.765.616	560.765.616
b) Người mua trả tiền trước dài hạn				
c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan				

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phú Lễ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**Mẫu số B 09 - DN**
Đơn vị tính: VND**5.13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm
a) Phải nộp	10.005.926.075	2.758.501.395	6.927.162.502	5.837.264.968
- Thuế GTGT	618.741.001		618.741.001	-
- Thuế TNDN	9.115.484.745	1.637.140.747	4.915.360.524	5.837.264.968
- Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
- Các khoản phí, lệ phí	271.700.329	1.117.360.648	1.389.060.977	-
b) Phải thu				

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn	50.000.000	50.000.000
- Trích trước chi phí kiểm toán	50.000.000	50.000.000
b) Dài hạn		
Cộng	50.000.000	50.000.000

5.15 . PHẢI TRẢ KHÁC

	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn	632.846.186	607.367.322
- Bảo hiểm xã hội	505.943.128	485.192.500
- Bảo hiểm y tế	87.671.755	84.398.000
- Bảo hiểm thất nghiệp	38.964.481	37.510.000
- Phải trả, phải nộp khác	266.822	266.822
b) Dài hạn		
c) Phải trả khác là các bên liên quan		
d) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phú Lễ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

5.16 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	242.727.011.128	242.727.011.128	933.907.052.765	913.209.491.637	222.029.450.000	222.029.450.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Chương Dương (i)	195.362.216.399	195.362.216.399	705.050.202.681	625.024.986.282	115.337.000.000	115.337.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh (ii)	5.565.000.000	5.565.000.000	23.143.105.121	24.748.105.121	7.170.000.000	7.170.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm	-	-	77.528.815.361	137.301.265.361	59.772.450.000	59.772.450.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Hoàn Kiếm (iii)	41.799.794.729	41.799.794.729	115.384.929.602	113.335.134.873	39.750.000.000	39.750.000.000
Vay cá nhân	-	-	12.800.000.000	12.800.000.000	-	-
b) Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	242.727.011.128	242.727.011.128	933.907.052.765	913.209.491.637	222.029.450.000	222.029.450.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

(i) Hợp đồng tín dụng số 01/2017/3629234/HĐTD ngày 04 tháng 5 năm 2017 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Chương Dương, hạn mức 200 tỷ đồng, thời hạn của hạn mức là 12 tháng, mục đích vay vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo bao gồm:

- Xe ô tô Toyota Yaris G BKS: 30A-929.21; Xe ô tô Toyota Yaris G BKS: 30E-018.91;

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 07/2016/3629234/HĐTG ngày 02/02/2016;

- 05 xe ô tô BKS: Xe đầu kéo nhãn hiệu FAW BKS 29C-644.58; xe đầu kéo nhãn hiệu FAW BKS 29C- 644.64; Xe đầu kéo nhãn hiệu FAW BKS 29C- 646.04; xe rơ moóc nhãn hiệu FAW BKS 29R-037.74; xe rơ moóc nhãn hiệu CIMC BKS 29R-038.73;

- Xe Lexus ES300H BKS: 30A-276.37;

- Xe Toyota Land Cruiser VX BKS: 30E-219.10;

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản trên đất số BG 000290, số vào sổ cấp GCN CH00437/NCN, số Quyết định 16383/QĐ-UBND do UBND thành phố Thái Nguyên cấp ngày 16/11/2011;

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản trên đất số CG 999052, số vào sổ cấp GCN CT-DA00595 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 19/4/2017;

- Hai xe ô tô tải thùng nhãn hiệu JAC BKS: 29C-645.03 và 29C-645.04;

- Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn tại các Ngân hàng và Tổ chức tín dụng khác;

- Các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn và đối tác mà công ty là người thụ hưởng.

(j) Hợp đồng thấu chi số 01/2017/3629234/HĐTC ngày 25 tháng 4 năm 2017 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Chương Dương, hạn mức thấu chi 66,8 tỷ đồng, thời hạn thấu chi kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 05/02/2018, mục đích thấu chi để thanh toán chi phí vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

(ii) Hợp đồng tín dụng số 80/2017-HĐCVHM/NHCT144-ĐTPTSS ngày 03 tháng 10 năm 2017 ký với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Đông Anh, hạn mức của hợp đồng là 7,5 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày 03/10/2017 đến 03/10/2018, thời hạn vay của mỗi khoản nợ không quá 04 tháng kể từ ngày giải ngân ký trên giấy nhận nợ, lãi suất vay được ghi trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay vốn là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh sắt, thép. Các hợp đồng đảm bảo nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng này gồm:

- Hợp đồng thế chấp số 905/TC/2012 ngày 28 tháng 10 năm 2015 giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, chi nhánh Đông Anh và ông Ngô Văn Tú và bà Trần Thị Tuyền;

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 988/TC/2011 ngày 22 tháng 09 năm 2011 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 17/VBSĐBS/2014 ngày 05 tháng 3 năm 2014 giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh Đông Anh và ông Phạm Văn Đức;

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/HĐTC ngày 20 tháng 3 năm 2012 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh, PGD Phù Lỗ và Công ty CP Đầu tư Phát triển Sóc Sơn;

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 61/HĐTC ngày 29 tháng 9 năm 2011 ký giữa Ngân hàng TMCP Công thương - chi nhánh Đông Anh, PGD Văn Trí và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn;

(iii) Hợp đồng tín dụng số 1502-LAV/201700223 ngày 12 tháng 4 năm 2017 ký với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh Hoàn Kiếm, hạn mức cấp tín dụng là 44 tỷ đồng, thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng, thời hạn vay của mỗi khoản nợ tối đa không quá 04 tháng kể từ ngày giải ngân ghi trên giấy nhận nợ, lãi suất được quy định trong từng lần nhận nợ, mục đích vay vốn là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay gồm:

- Căn hộ chung cư 609 tòa nhà CT1 khu đô thị Dream Town, đường 70, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 208713 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 31/3/2015 mang tên ông Trần Quang Khải và bà Hà Thị Thu Huyền;

- Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo Thuyết minh số 5.5.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phú Lễ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 09 - DN

5.17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
Số dư đầu năm trước	160.800.000.000	-	-	-	-	24.179.924.116	184.979.924.116
Tăng vốn năm trước	143.959.480.000						143.959.480.000
Lãi trong năm trước						14.508.134.034	14.508.134.034
Tăng khác						-	-
Giảm vốn trong năm trước						-	-
Lỗ trong năm trước						-	-
Giảm khác						16.213.110.000	16.213.110.000
Số dư cuối năm trước	304.759.480.000	-	-	-	-	22.474.948.150	327.234.428.150
Tăng vốn trong năm nay							
Lãi trong năm nay						5.014.640.286	5.014.640.286
Tăng khác						-	-
Giảm vốn trong năm nay						-	-
Lỗ do hoán nhập trong năm nay						-	-
Giảm khác						-	-
Số dư cuối năm	304.759.480.000	-	-	-	-	27.489.588.436	332.249.068.436

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 158 khối 14, quốc lộ 3, xã Phú Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp		
		Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của công ty mẹ			
Vốn góp của các đối tượng khác	100%	304.759.480.000	304.759.480.000
Cộng		304.759.480.000	304.759.480.000
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
- Vốn góp đầu năm		304.759.480.000	160.800.000.000
- Vốn góp tăng trong năm			143.959.480.000
- Vốn góp giảm trong năm			
- Vốn góp cuối năm		304.759.480.000	304.759.480.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		-	-
d) Cổ phiếu		Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		30.475.948	30.475.948
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		30.475.948	30.475.948
- Cổ phiếu phổ thông		30.475.948	30.475.948
- Cổ phiếu ưu đãi			
Số lượng cổ phiếu được mua lại			
- Cổ phiếu phổ thông			
- Cổ phiếu ưu đãi			
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		30.475.948	30.475.948
- Cổ phiếu phổ thông		30.475.948	30.475.948
- Cổ phiếu ưu đãi			
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:		10.000 đồng	10.000 đồng
* Lãi cơ bản trên cổ phiếu		165	657

g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
a) Doanh thu	1.073.426.141.172	1.107.990.200.153
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.073.426.141.172	1.107.990.200.153
b) Doanh thu đối với các bên liên quan	456.060.369.813	171.160.909.091
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thảo Huyền	456.060.369.813	171.160.909.091
Cộng	1.073.426.141.172	1.107.990.200.153

6.2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	-	3.715.558.383
Cộng	-	3.715.558.383

6.3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
a) Giá vốn của hàng đã bán	1.045.452.054.846	1.069.826.715.225
- Giá vốn của hàng hóa đã bán và cung cấp dịch vụ	1.045.452.054.846	1.069.826.715.225
Cộng	1.045.452.054.846	1.069.826.715.225

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phú Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
6.4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Lãi tiền gửi, cho vay	6.110.406.102	4.807.746.431
Cộng	6.110.406.102	4.807.746.431
6.5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
Lãi tiền vay	18.957.761.002	10.747.257.416
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	33.878.329	328.321.026
Cộng	18.991.639.331	11.075.578.442
6.6 . THU NHẬP KHÁC		
Các khoản khác	43.034.066	29.295.077
Cộng	43.034.066	29.295.077
6.7 . CHI PHÍ KHÁC		
- Các khoản bị phạt	1.412.034.892	1.044.001.330
+ Phạt thuế	1.132.366.559	916.001.330
+ Phạt vi phạm hợp đồng	279.668.333	128.000.000
- Các khoản khác	34.081.132	53.114.375
Cộng	1.446.116.024	1.097.115.705
6.8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
a) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	3.770.981.830	4.799.834.848
Chi phí nhân viên	1.514.811.539	747.838.545
Chi phí khấu hao tài sản cố định	727.424.237	553.212.119
Chi phí dự phòng	(76.292.375)	715.196.213
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.605.038.429	2.783.587.971
b) Các chi phí bán hàng phát sinh trong năm	3.282.984.187	3.445.776.391
Chi phí nhân viên	1.092.923.076	1.532.600.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.407.538.920	1.013.346.856
Chi phí bán hàng khác	782.522.191	899.829.535
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
6.9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
Chi phí nhân công	2.607.734.615	2.280.438.545
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.134.963.157	1.566.558.975
Chi phí dịch vụ mua ngoài	654.347.647	1.429.899.871
Chi phí dự phòng	(76.292.375)	715.196.213
Chi phí bằng tiền khác	1.733.212.973	2.253.517.635
Cộng	7.053.966.017	8.245.611.239

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

6.10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.635.805.122	18.866.662.667
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.506.019.059	2.925.980.497
+ Các khoản phạt	1.132.366.559	954.001.330
+ Chi phí không được trừ	373.652.500	1.971.979.167
Tổng thu nhập chịu thuế	8.105.824.181	21.792.643.164
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành	1.621.164.836	4.358.528.633
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5.014.640.286	14.508.134.034

6.12. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty	5.014.640.286	14.508.134.034
Phân phối cho quỹ khen thưởng và phúc lợi		
Lợi nhuận để tính lãi trên cổ phiếu	5.014.640.286	14.508.134.034
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	30.475.948	22.069.808
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	165	657

Lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Tuy nhiên, tại ngày phát hành báo cáo này, việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được thông qua Đại hội cổ đông.

Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cuối năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	30.475.948	16.080.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	14.395.948
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cuối năm	30.475.948	30.475.948

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****8.2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh, công bố hay thuyết minh trên báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phú Lễ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

8.3. BÁO CÁO BỘ PHẬN**8.3.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (chính yếu)**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

Chi tiêu	Thép cuộn		Thép cây		Khác		TỔNG CỘNG
Doanh thu	172.787.944.113	899.454.161.432	1.184.035.627				1.073.426.141.172
Các khoản giảm trừ doanh thu							
Giá vốn	167.459.358.051	876.938.487.225	1.054.209.570				1.045.452.054.846
Lợi nhuận gộp	5.328.586.062	22.515.674.207	129.826.057				27.974.086.326
Tổng giá trị còn lại của tài sản							603.759.856.092
Nợ phải trả							271.510.787.656
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác							126.000.000.000
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn							2.338.372.156
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)							
Năm trước							
Chi tiêu	Thép cuộn		Thép cây		Khác		TỔNG CỘNG
Doanh thu	247.109.715.548	852.345.637.849	8.534.846.756				1.107.990.200.153
Các khoản giảm trừ doanh thu	835.095.825	2.880.462.558					3.715.558.383
Giá vốn	242.688.765.811	825.597.906.811	1.540.042.603				1.069.826.715.225
Lợi nhuận gộp	3.585.853.912	23.867.268.480	6.994.804.153				34.447.926.545
Tổng giá trị còn lại của tài sản							575.449.114.944
Nợ phải trả							248.214.686.794
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác							7.785.709.089
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn							1.784.157.171

8.3.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (thứ yếu)

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2017 và ngày 01/01/2017. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phú Lễ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

8.4 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

8.5 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

8.6 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường

- Rủi ro tín dụng

- Rủi ro thanh khoản

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. (Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Ngày 31/12/2017	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.278.809.339		8.278.809.339
Phải thu khách hàng	233.327.385.272		233.327.385.272
Đầu tư	24.400.000.000	32.000.000.000	
Phải thu khác	677.433.333		677.433.333
Tài sản tài chính khác			
Trừ:	638.903.838	362.199.355	1.001.103.193
Dự phòng phải thu khó đòi	638.903.838		638.903.838
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		362.199.355	362.199.355
Tổng cộng	266.044.724.106	31.637.800.645	241.282.524.751
Các khoản vay và nợ	242.727.011.128	-	242.727.011.128
Phải trả người bán	19.420.138.374		19.420.138.374
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	682.846.186		682.846.186
Tổng cộng	262.829.995.688	-	262.829.995.688
Chênh lệch thanh khoản thuần	3.214.728.418	31.637.800.645	(21.547.470.937)
Ngày 01/01/2017	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.241.735.805		17.241.735.805
Phải thu khách hàng	137.576.472.456		137.576.472.456
Đầu tư	127.500.000.000	30.000.000.000	
Phải thu khác	73.775.977.500		73.775.977.500
Tài sản tài chính khác			
Trừ:	715.196.213	328.321.026	1.043.517.239
Dự phòng phải thu khó đòi	715.196.213		715.196.213
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		328.321.026	328.321.026
Tổng cộng	355.378.989.548	29.671.678.974	227.550.668.522
Các khoản vay và nợ	222.029.450.000	-	222.029.450.000
Phải trả người bán	14.885.911.124		14.885.911.124
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	657.367.322		657.367.322
Tổng cộng	237.572.728.446	-	237.572.728.446
Chênh lệch thanh khoản thuần	117.806.261.102	29.671.678.974	(10.022.059.924)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 phố 14, Quốc lộ 3, xã Phú Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		Đơn vị tính: VND
	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017	
Tài sản tài chính					
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			-	-	
Các khoản cho vay và phải thu					
Phải thu khách hàng và phải thu khác	233.365.914.767	210.637.253.743	233.365.914.767	210.637.253.743	
Tài sản tài chính khác					
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	8.278.809.339	17.241.735.805	8.278.809.339	17.241.735.805	
Tiền và các khoản tương đương tiền	241.644.724.106	227.878.989.548	241.644.724.106	227.878.989.548	
Tổng cộng					
Nợ phải trả tài chính					
Nợ phải trả tài chính	242.727.011.128	222.029.450.000	242.727.011.128	222.029.450.000	
Vay và nợ	19.420.138.374	14.885.911.124	19.420.138.374	14.885.911.124	
Phải trả người bán	632.846.186	607.367.322	632.846.186	632.846.186	
Phải trả khác					
Tổng cộng	262.779.995.688	237.522.728.446	262.779.995.688	237.548.207.310	

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2017 và ngày 01/01/2017. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phú Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

8.7 . Thông tin về các bên liên quan**a) Các bên liên quan**

Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Quyền biểu quyết
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Thảo Huyền	Công ty liên kết	37,5%

Giao dịch với các bên liên quan

Ngoài thuyết minh các bên liên quan đã nêu trên, trong năm tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	Giá trị (VND)
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Thảo Huyền	Bán hàng	501.978.406.795
	Thu tiền hàng	416.530.320.002

b) Thù lao chi trả trong năm cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban**Tổng giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay VND
Ông Nguyễn Quang Nguyên	Chủ tịch HĐQT	106.269.230
Ông Nguyễn Ngọc Tú	Thành viên HĐQT	81.307.692
Ông Lê Tiến Dũng	Tổng Giám đốc	94.500.002
Tổng cộng		282.076.924

8.8 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam kiểm toán.

8.9 . Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8.10 . Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người lập



Trần Lê Hoa

Kế toán trưởng



Trần Lê Hoa



Lê Tiến Dũng